| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN EA H'LEO**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày 27/9/2018.
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Văn Long.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Y Manh A Drơng.
2. Ông Vũ Xuân Thụ

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đỗ Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX - DS, ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28/8/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lại Thị M - sinh năm 1975
Trú tại: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk – có mặt.

*Bị đơn:* Ông Phạm Văn Ph – sinh năm 1976 và bà Phùng Thị Tr - sinh năm 1978.
Trú tại: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk – có mặt.

*Người làm chứng:*
1. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1962 – có mặt.
2. Bà Lại Thị H - có mặt.
Cùng trú tại: Thôn H, xã D, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.
3. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1964 – có mặt.
Trú tại: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018 của bà Lại Thị M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 01/01/2016 (âm lịch) bà M có cho vợ chồng ông Phạm Văn Ph bà Phùng Thị Tr vay số tiền 100.980.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2016 (âm lịch). Nhưng đến nay chỉ mới trả được một phần và còn nợ lại 33.600.000đ, vì vậy khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ph bà Tr phải trả số tiền còn lại nói trên và khoản lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/12/2016 (âm lịch) đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà Lại Thị M đã thay đổi yêu cầu khởi kiện từ 33.600.000đ xuống 21.580.000đ. Bà trình bày các khoản vợ chồng ông Ph, bà Tr đã trả như sau: Ngày 13/3/2016 (âm lịch) bà Tr trả được 69.000.000 đồng; Ngày 20/12/2016 (âm lịch) trả 8.000.000 đồng và ngày 30/12/2016 (âm lịch) trả 2.400.000 (trong đó có 2.000.000 đồng tiền mặt và 400.000 đồng tiền mua gà). Như vậy, vợ chồng bà Tr đã trả cho bà M tổng số tiền là 79.400.000 đồng. Hiện còn nợ lại 21.580.000 đồng. Nay bà M yêu cầu ông Ph, bà Tr phải trả số tiền gốc còn nợ lại là 21.580.000đ và khoản lãi suất 0,8%/tháng, thời điểm tính lãi từ ngày 20/12/2016 (âm lịch) tức ngày 17/01/2017 cho đến khi trả hết nợ.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phùng Thị Tr trình bày:*

Tôi thừa nhận vào ngày 01/01/2016 (âm lịch) vợ chồng tôi có vay của bà M số tiền là 100.980.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền. Sau khi vay thì tôi là người trực tiếp đã trả cho bà M hết số tiền gốc và lãi, cụ thể là trả làm 04 lần:

- Lần thứ nhất vào ngày 13/3/2016 (âm lịch) trả 69.000.000 đồng.
- Lần thứ 2 vào ngày 08/12/2016 (âm lịch) trả 8.000.000 đồng.
- Lần thứ 3 vào ngày 27/12/2016 (âm lịch) trả 2.000.000 đồng tiền mặt và 400.000 đồng tiền bà M mua gà.
- Lần thứ 4 vào ngày 06/12/2017 (âm lịch) trả số tiền 31.000.000 đồng tại nhà tôi, khi trả thì bà M không đưa trả giấy gốc và không viết giấy nhận tiền, nên tôi đã gọi điện thoại nhờ những người sau đây đến nhà tôi làm chứng: Ông Vũ Văn L (là anh rể bà M); bà Lại Thị H (là chị gái bà M). Cùng trú tại: Thôn H, xã D, huyện E, tỉnh Đăk Lăk và bà Lưu Thị T. Trú tại: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Như vậy, tổng số tiền tôi trả cho bà M cả gốc và lãi là 110.400.000 đồng. Trong đó 100.980.000 đồng tiền gốc và 9.420.000 đồng tiền lãi.

Hiện vợ chồng tôi đã trả hết số tiền gốc và tiền lãi, không còn nợ bà M khoản tiền nào. Nên tôi không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ông Phạm Văn Ph thống nhất với nội trình bày của vợ là Phùng Thị Tr, không bổ sung gì thêm.

**Ý kiến của người làm chứng bà Lại Thị H:* Ngày 06/12/2017, tôi đang ở nhà ở thôn H, xã D thì có nghe bà Tr gọi điện đến nói là nhờ tôi đến làm chứng về sự việc bà Tr trả tiền nợ cho bà M (nội dung là: Nhờ tôi đến làm chứng giao tiền vì bà M không cầm giấy gốc theo mà cũng không viết giấy biên nhận tiền), lúc ấy tôi có gọi chồng tôi và bà T đi cùng đến nhà bà Trg. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì ba người chúng tôi đến nhà bà Tr thì có thấy bà Tr và bà M, bà Tr có đưa cho bà M tiền

(nghe bà Tr nói đưa cho bà M 31.000.000 đồng, chứ tôi không biết chính xác là bao nhiêu, không biết việc vay nợ của hai bên như thế nào). Khi bà M cầm tiền thì về ngay, không đếm lại tiền, không nghe hai bên nói qua lại gì. Sau khi bà M về, do không viết giấy biên nhận tiền nên bà Tr đã viết giấy thể hiện có đưa 31.000.000 đồng cho bà M nói tôi, ông L và bà T ký nhận sự việc trên và sau đó ba người chúng tôi về.

Mối quan hệ giữa tôi và bà Tr là chỉ biết nhau, không thân thiết, quan hệ xã giao. Còn bà M là em ruột (tôi và bà M có mâu thuẫn về gia đình, nhưng không liên quan đến sự việc trên, tôi chứng kiến như thế nào thì khai thế, cam đoan lời khai là đúng sự thật.

**Ý kiến của người làm chứng ông Vũ Văn L:* Thống nhất với lời khai của vợ tôi bà H. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì ba người chúng tôi đến nhà bà Tr thì có thấy bà Tr và bà M, bà Tr có đưa cho bà M tiền (nghe bà Tr nói là 31.000.000 đồng, chứ tôi không biết chính xác là bao nhiêu, không biết việc vay nợ của hai bên cụ thể như thế nào). Sau khi bà M về, do không viết giấy biên nhận tiền nên bà Tr đã viết giấy thể hiện có đưa 31.000.000 đồng cho bà M, nói tôi, vợ tôi và bà T ký xác nhận sự việc trên, tôi có đọc lại và vợ chồng tôi, bà T ký nhận. Sau đó ba người chúng tôi về.

**Ý kiến của người làm chứng bà Lưu Thị T:* Tôi không có mối quan hệ gì với bà Tr và bà M. Tôi đang ở chơi nhà bà H thì bà H nói tôi cùng đến nhà bà Tr để làm chứng việc bà Tr giao tiền cho bà M, do hai vợ chồng bà H cùng đi nên tôi cũng đồng ý đi cùng. Khi đến nhà bà Tr thì có thấy bà Tr và bà M, bà Tr có đưa cho bà M tiền (nghe bà Tr nói là 31.000.000 đồng, còn bà M không nói gì khi nhận tiền, tôi không biết chính xác là bao nhiêu, không biết việc vay nợ của hai bên cụ thể như thế nào). Bà M cầm tiền về, bà Tr viết giấy nói tôi và vợ chồng ông L, bà H ký làm chứng, tôi thấy ông L, bà H ký thì tôi cũng ký chứ tôi không đọc giấy làm chứng xác nhận việc giao tiền do bà Tr viết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, 01 Giấy vay tiền; 01 Giấy hẹn trả nợ và 01 Giấy biên nhận tiền.

Các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp, 01 xác nhận của người làm chứng và 01 Giấy biên nhận tiền.

Tại phiên tòa các đương sự không thống nhất được với nhau về hướng giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm. Bà M cho rằng việc bà Tr nói đã trả nợ hết cho bà M là không đúng và việc bà Tr làm giấy cho người làm chứng ký xác nhận việc bà M có nhận 31.000.000 đồng của bà Tr là không có căn cứ, vì người làm chứng mặc dù là chị gái anh rễ của bà M nhưng trong gia đình bà M có những mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn đến nay vẫn chưa được giải quyết hiện nay chị em không nhìn mặt nhau nên những người này không vô tư khách quan và họ đã cố xác nhận khống sự việc trên. Vợ chồng ông Ph, bà Tr vẫn cho rằng đã trả hết nợ cho bà M.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo*:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, có đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ vào Điều 26, 35, 146, 161 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M buộc bà Phùng Thị Tr và ông Phạm Văn Ph phải trả cho bà M số tiền 21.580.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: bà Phùng Thị Tr và ông Phạm Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 01/01/2016 (âm lịch) tức ngày 08/02/2016 (dương lịch) bà Mơ có cho ông Phạm Văn Ph và bà Phùng Thị Tr vay số tiền 100.980.000 đồng là có thật được chứng minh bằng giấy vay tiền lập ngày 01/01/2016 (âm lịch) và sự thừa nhận của vợ chồng ông Ph, bà Tr. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph, bà Tr đã trả cho bà M tổng số tiền là 79.400.000 đồng được các bên thừa nhận. Riêng đối với số tiền nợ gốc còn lại 21.580.000 đồng bà Tr cho rằng đã trả hết đồng thời cũng đã trả 9.420.000đ tiền lãi việc trả nợ lần cuối vào ngày 06/12/2017 (âm lịch) có vợ chồng ông Vũ Văn L, Lại Thị H và bà Lưu Thị T làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai trên của vợ chồng ông Ph, bà Tr và những người làm chứng là chưa đủ cơ sở thuyết phục, bởi lẽ: Theo bà Tr thì việc trả tiền cho bà M lần cuối vào ngày 06/12/2017 (âm lịch) với số tiền 31.000.000đ là trả tại nhà bà Tr, do vậy nếu bà M không chịu viết giấy biên nhận tiền và cũng không đưa giấy vay gốc thì bà Tr có quyền không giao trả số tiền nợ còn lại; lúc này chỉ có bà M và bà Tr, bà M cũng không hề có hành động hù dọa hay ép buộc làm cho bà Tr sợ mà phải giao trả số tiền còn lại trong khi bà M không viết giấy biên nhận, đồng thời việc này cũng không được bà M thừa nhận. Việc bà Tr gọi điện nhờ những người trên đến làm chứng là một việc làm vô lý, trái với lẽ tự nhiên vì địa điểm là tại nhà bà Tr và tiền của bà Tr đang nắm giữ chưa đưa cho bà M, nếu bà M không viết biên nhận thì bà Tr

có quyền không giao tiền chứ không cần phải gọi người khác đến làm chứng. Nội dung giấy xác nhận làm chứng do bà Tr cung cấp thì viết rõ bà Tr trả 25.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi, nhưng những người làm chứng đều khai là họ chứng kiến bà Tr giao tiền cho bà M, nhưng không biết giao bao nhiêu tiền. Mặt khác, xét tư cách của những người làm chứng, HĐXX thấy mặc dù ông Vũ Văn L là anh rễ và bà Lại Thị H là chị gái của bà M nhưng giữa vợ chồng bà H và bà M có mâu thuẫn gia đình và hiện nay họ không qua lại với nhau điều này được các đương sự thừa nhận; đối với bà Lưu Thị T mặc dù không có mâu thuẫn gì với bà M nhưng bà T lại là bạn bè của vợ chồng bà H; những người làm chứng cũng cho rằng họ có nhìn thấy bà Tr giao tiền cho bà M nhưng không biết cụ thể số tiền là bao nhiêu, họ chỉ nghe bà Tr nói lại là 31.000.000. Do vậy lời khai của những người này là không đủ độ tin cậy, không bảo đảm tính vô tư khách quan. Do vậy lời khai nại trên của vợ chồng bà Tr là không có cơ sở. Việc bà Tr cho rằng đã trả 9.420.000đ tiền lãi cũng không có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M là có căn cứ.

Giao dịch vay tiền nói trên giữa các bên đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, thời hạn trả nợ được xác định trong hợp đồng là ngày 20/12/2016 (âm lịch) tức ngày 17/01/2017 (dương lịch), nhưng đến nay ông, bà Ph -Tr vẫn chưa trả hết nợ cho bà M, hiện vẫn còn nợ 21.580.000 đồng. Như vậy, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà M, nên yêu cầu khởi kiện này của bà M phù hợp với các Điều 438, 474 Bộ luật dân sự 2005, nên buộc vơ chồng ông bà Ph - Tr phải trả số nợ gốc 21.580.000 đồng nói trên cho bà M.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà M yêu cầu tính lãi suất 0,8%/tháng/21.580.000 đồng, thời điểm tính lãi từ ngày 17/01/2017 (Dương lịch) cho đến nay. HĐXX nhận thấy, theo hợp đồng vay thì không thỏa thuận lãi suất tuy nhiên thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2016 (âm lịch) tức ngày 17/01/2017 (dương lịch) nhưng đến hạn vợ chồng ông bà Ph, Tr vẫn chưa trả hết nợ nên phải chịu thêm khoản lãi suất quá hạn, vì vậy yêu cầu tính lãi suất của bà M là có căn cứ phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, cần chấp nhận. Buộc vợ chồng ông bà Ph, Tr phải trả cho bà M số tiền lãi tính từ ngày 17/01/2017 đến ngày xét xử là 20 tháng 10 ngày, cụ thể như sau: 21.580.000đ x0.8%x20 tháng 10 ngày = 3.510.000 đồng *(ba triệu năm trăm mười nghìn đồng).*

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Phạm Văn Ph và bà Phùng Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M. Buộc ông ông Phạm Văn Ph và bà Phùng Thị Tr phải trả cho bà Lại Thị M tổng số tiền nợ là 25.090.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).* Trong đó: Nợ gốc là 21.580.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)* và tiền lãi là 3.510.000 đồng *(ba triệu năm trăm mười nghìn đồng)*.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Về án phí: Buộc ông Phạm Văn Ph và bà Phùng Thị Tr phải chịu 1.254.500 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lại Thị M số tiền 840.000 đồng *(Tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0000798, ngày 30 tháng 01 năm 201.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Long**